

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *07* /2021/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *01* tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;
Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;
Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;
Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3192 /SXD-TTr ngày 25 tháng 11 năm 2020 và Công văn số 3625/SXD-PTĐT&HTKT ngày 31 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2021 và thay thế Quyết định số 10/2014/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước tại các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư tập trung trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể của tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Cục KTVB QPPL, Bộ Tư pháp;
- Các Sở, Ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Báo Thái Nguyên;
- Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, QH XD, CNN.

(huynt/SXD/QĐQP07/T12/100b)



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Việt Hùng

QUY ĐỊNH
Về quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 07 /2021/QĐ-UBND ngày tháng 01
năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đơn vị thoát nước; đơn vị quản lý hệ thống thoát nước; các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

b) Các Sở, ban, ngành có liên quan của tỉnh;

c) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã;

d) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và hệ thống thoát nước của địa phương

1. Từ ngữ sử dụng trong Quy định này thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là Nghị định số 80/2014/NĐ-CP).

2. Hệ thống thoát nước của địa phương gồm hệ thống thoát nước chung, hệ thống thoát nước riêng và hệ thống thoát nước nửa riêng bao gồm mạng lưới thoát nước mưa, nước thải (đường ống, cống, kênh, mương, hồ điều hòa...), các trạm bơm thoát nước mưa, nước thải, các công trình xử lý nước thải và các công trình phụ trợ khác.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

Các nguyên tắc về quản lý hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thống nhất thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) là chủ sở hữu hệ thống thoát nước trên địa bàn do mình quản lý, bao gồm:

- a) Hệ thống thoát nước được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- b) Hệ thống thoát nước nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới trên địa bàn quản lý;
- c) Hệ thống thoát nước nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh công trình thoát nước trên địa bàn quản lý.

2. Các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh được phép sở hữu, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn do mình quản lý đến khi bàn giao theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư đến khi bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

Điều 5. Quy định về tiêu chuẩn dịch vụ

1. Đơn vị thoát nước được chủ sở hữu lựa chọn, trên cơ sở các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định và điều kiện cụ thể của hệ thống thoát nước do mình quản lý, duy trì, có trách nhiệm xây dựng “Kế hoạch thoát nước, chống úng ngập vào mùa mưa bão hàng năm” trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, chấp thuận trên cơ sở ý kiến chuyên môn của Sở Xây dựng, đồng thời làm cơ sở đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác quản lý, đề xuất các nội dung đầu tư, cải tạo, hoàn thiện hệ thống thoát nước trên địa bàn.

2. Đơn vị thoát nước quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải phải tuân thủ các quy trình kỹ thuật theo quy định; chất lượng nước thải sau xử lý phải đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Quy định này.

Điều 6. Quy định về đấu nối hệ thống thoát nước

1. Đối tượng phải thực hiện đấu nối:

Tất cả các hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống, cống thu gom nước mưa, nước thải là đối tượng phải đấu nối vào hệ

thống thoát nước trừ những trường hợp được quy định về miễn trừ đầu nổi tại Điều 35 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

2. Yêu cầu về cao độ điểm đầu nổi:

Điểm đầu nổi là các điểm xả nước của các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước. Cao độ của điểm đầu nổi phải phù hợp với cao độ hệ thống thoát nước khu vực, bảo đảm cho việc thoát nước từ hộ thoát nước tới điểm đầu nổi và từ điểm đầu nổi tới hố kiểm tra hoặc hệ thống thoát nước chung. Cao độ điểm đầu nổi được tính toán, thiết kế trong dự án xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải trên cơ sở quy hoạch thoát nước trong quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị được phê duyệt và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định.

3. Hộp đầu nổi và trách nhiệm thực hiện đầu nổi:

a) Hộp đầu nổi là nơi đầu nổi hệ thống thoát nước bên trong khuôn viên của hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước công cộng. Hộp đầu nổi được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn của chủ sở hữu hệ thống thoát nước, được xây dựng đồng thời với các dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng hay xây mới hệ thống thoát nước. Vị trí hộp đầu nổi được xác định nằm trên phần đất công, tiếp giáp với phần đất của hộ thoát nước; bảo đảm ổn định lâu dài, thuận lợi cho việc thi công đầu nổi, giao thông đi lại và công tác kiểm tra, giám sát, duy trì hoặc xử lý sự cố, sửa chữa rò rỉ nước thải của đơn vị thoát nước;

b) Hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư tuyên công thu gom vào hộp đầu nổi để vận chuyển nước thải từ các điểm xả trong khuôn viên của hộ thoát nước đến hộp đầu nổi. Các hộ thoát nước lân cận có thể đầu nổi cùng vào một hộp đầu nổi nếu đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật và được đơn vị thoát nước chấp thuận;

c) Việc thi công tại hộp đầu nổi do hộ thoát nước tự thực hiện hoặc có thể thuê tổ chức, cá nhân có đủ năng lực để thực hiện và trong quá trình đầu nổi phải chịu sự giám sát của đơn vị thoát nước nhằm đảm bảo thi công đúng thiết kế đã được chấp thuận. Sau khi đầu nổi hoàn thành phải lập biên bản nghiệm thu thi công đầu nổi giữa đơn vị thoát nước và hộ thoát nước làm cơ sở ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ thoát nước;

d) Đối với hệ thống thoát nước khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư tập trung chưa bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý được xem là một hộ thoát nước lớn, đầu nổi vào hệ thống thoát nước chung của Ủy ban nhân dân cấp huyện; chủ sở hữu công trình thoát nước và chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định về đầu nổi tại Quy định này.

4. Thời điểm đấu nối:

a) Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày văn bản thỏa thuận đấu nối được ký kết hoặc thông báo của đơn vị thoát nước về việc thời gian, tiến độ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước khu vực được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp hộ thoát nước tự thực hiện đấu nối nếu quá trình thực hiện gặp khó khăn về kỹ thuật, đơn vị thoát nước có trách nhiệm hỗ trợ kỹ thuật và thỏa thuận với hộ thoát nước để làm cơ sở thực hiện;

b) Đối với các hộ thoát nước thải sinh hoạt là hộ gia đình đã đấu nối vào hệ thống thoát nước trước khi quy định này có hiệu lực nhưng đấu nối chưa phù hợp quy định thì đơn vị thoát nước chủ động lập kế hoạch điều chỉnh đấu nối cho phù hợp với điều kiện đấu nối cụ thể của từng khu vực và bảo đảm yêu cầu kỹ thuật;

c) Đối với các hộ thoát nước thải khác (không phải nước thải sinh hoạt) thì phải rà soát, điều chỉnh đấu nối đảm bảo phù hợp quy định sau khi nhận được thông báo của chủ sở hữu công trình thoát nước.

5. Xả nước thải tại điểm đấu nối:

a) Đối với nước thải sinh hoạt: Các hộ thoát nước được phép xả nước thải trực tiếp vào hệ thống thoát nước tại điểm đấu nối;

b) Đối với các loại nước thải khác: Các hộ thoát nước phải thu gom và có hệ thống xử lý nước thải cục bộ bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi xả vào điểm đấu nối và theo các quy định về đấu nối và thỏa thuận đấu nối.

6. Xác định khối lượng nước thải xả vào điểm đấu nối để tính tiền sử dụng dịch vụ thoát nước:

a) Đối với nước thải sinh hoạt: Trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, nếu không có đồng hồ đo lưu lượng nước thải thì khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước; trường hợp các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được xác định bằng lượng nước sạch tiêu thụ bình quân đầu người 120 lít/người/ngày đêm ($3,6\text{m}^3/\text{người}/\text{tháng}$);

b) Đối với các loại nước thải khác: Trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, nếu không có đồng hồ đo lưu lượng nước thải thì khối lượng nước thải được tính bằng 80% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước; trường hợp các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, không lắp đặt được đồng hồ đo lưu lượng nước thải thì chủ sở hữu hệ thống thoát nước cùng đơn vị thoát nước, hộ thoát nước thống nhất xác định khối lượng nước thải làm căn cứ ký kết hợp đồng dịch vụ thoát nước.

7. Thỏa thuận và miễn trừ đấu nối:

a) Thỏa thuận và miễn trừ đấu nối thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

b) Thỏa thuận đấu nối là biên bản thỏa thuận giữa đơn vị thoát nước và hộ thoát nước trong đó cụ thể một số nội dung về: vị trí, cao độ, chiều dài, đường kính, vật liệu ống đấu nối, thời gian thực hiện, chất lượng, khối lượng nước thải xả vào điểm đấu nối.

8. Trình tự đấu nối:

a) Đơn vị quản lý hệ thống thoát nước có trách nhiệm tổ chức khảo sát lập kế hoạch, thông báo kế hoạch đấu nối nước thải tới các hộ thoát nước theo từng khu vực, cụm dân cư.

b) Trên cơ sở đăng ký của các hộ thoát nước theo kế hoạch, đơn vị quản lý hệ thống thoát nước hoặc đơn vị được phân công quản lý hệ thống thoát nước đến từng hộ thoát nước để khảo sát, lập thiết kế hệ thống đấu nối nước thải; trường hợp hộ thoát nước tự thiết kế hệ thống đấu nối thì thiết kế phải đúng quy định và được đơn vị thoát nước chấp nhận.

c) Đơn vị thoát nước ký thỏa thuận đấu nối và hợp đồng dịch vụ thoát nước với hộ thoát nước.

d) Hộ thoát nước tự chịu trách nhiệm tổ chức thi công hệ thống đấu nối nước thải và xử lý sơ bộ trong phạm vi khuôn viên đất của mình. Đơn vị quản lý hệ thống thoát nước thi công từ bên ngoài tường rào đến điểm đấu nối theo đúng thiết kế và phù hợp với các quy định tại thỏa thuận đấu nối.

Điều 7. Quy chuẩn kỹ thuật về xả nước thải

1. Nước thải từ hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung, làng nghề xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm các quy chuẩn kỹ thuật môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành và phải có giấy phép xả thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật. Trường hợp xả vào hệ thống công trình thủy lợi phải thực hiện theo quy định của Luật Thủy lợi năm 2017.

2. Nước thải từ các nhà máy, cơ sở sản xuất trong khu, cụm công nghiệp xả vào hệ thống thoát nước tập trung của khu công nghiệp, cụm công nghiệp phải tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý môi trường khu, cụm công nghiệp và các quy định của cơ quan quản lý thoát nước trong khu công nghiệp.

3. Nước thải từ các hộ thoát nước khu dân cư nông thôn tập trung, làng nghề xả vào hệ thống thoát nước tại khu vực nông thôn phải tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường khu dân cư nông thôn tập trung.

4. Trường hợp nước thải xử lý phi tập trung, căn cứ khả năng tiếp nhận và mục đích sử dụng của nguồn tiếp nhận, thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật về nước thải xử lý phi tập trung do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

Điều 8. Quy định về bùn thải của hệ thống thoát nước, bùn thải từ bể tự hoại

1. Việc quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 04/2015/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Nội dung quản lý bùn thải bể tự hoại thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 04/2015/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 9. Quy định về xử lý nước thải tập trung và phi tập trung

1. Quy định về xử lý nước thải tập trung:

Nước thải các đô thị, khu, cụm công nghiệp phải được thu gom vào hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung tại khu xử lý nước thải. Nước thải sau khi được xử lý phải đảm bảo yêu cầu:

a) Chất lượng nước thải sau xử lý phải đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép trước khi xả thải và phù hợp với yêu cầu, mục đích sử dụng của nguồn tiếp nhận nước thải, không ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân, bảo đảm an toàn vệ sinh môi trường và đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, Ngành liên quan ban hành;

b) Trường hợp sử dụng nước thải sau xử lý thì nước thải đó phải được phân phối đến điểm tiêu thụ theo hệ thống riêng biệt, bảo đảm không xâm nhập và ảnh hưởng đến hệ thống cấp nước sạch trên cùng địa bàn, khu vực.

2. Quy định về xử lý nước thải phi tập trung:

a) Đối tượng áp dụng giải pháp xử lý nước thải phi tập trung bao gồm các khu hoặc cụm dân cư, khu đô thị mới, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, chợ, trường học, khu nghỉ dưỡng hoặc các khu vực bị hạn chế bởi đất đai, địa hình không có khả năng hoặc chưa thể kết nối với hệ thống thoát nước tập trung;

b) Giải pháp xử lý nước thải phi tập trung thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 04/2015/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

c) Khi áp dụng giải pháp xử lý nước thải phi tập trung phải tính đến khả năng đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung trong tương lai và phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chủ đầu tư hệ thống thoát nước căn cứ vào nguồn tái phát sinh, nguồn tiếp nhận, điều kiện kinh tế, địa hình, trình độ, năng lực quản lý, vận hành hệ thống thoát nước của đơn vị thoát

nước lựa chọn giải pháp xử lý nước thải phi tập trung phù hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

d) Tiêu chí lựa chọn công nghệ xử lý nước thải phi tập trung theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 04/2015/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, ưu tiên sử dụng công nghệ thích hợp, thân thiện với môi trường, phù hợp với đặc thù địa hình, kinh tế xã hội của địa phương.

Điều 10. Quy định về đầu tư, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước

1. Chủ đầu tư công trình thoát nước thực hiện theo các quy định tại Khoản 9 Điều 3 Luật Xây dựng năm 2014; Điều 4 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Điều 11 Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

2. Các dự án thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung do các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh được hưởng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Điều 15 Nghị định 80/2014/NĐ-CP.

3. Chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước tổ chức lựa chọn đơn vị thoát nước để thực hiện quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo quy định; việc lựa chọn đơn vị thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Nội dung quản lý, vận hành hệ thống thoát nước mưa, tái sử dụng nước mưa, quản lý vận hành hệ thống thoát nước thải thực hiện theo các quy định tại Điều 20 và Điều 22 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Điều 11. Quy định về hợp đồng quản lý, vận hành

1. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu và đơn vị thoát nước. Mẫu hợp đồng quản lý, vận hành theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước có thời hạn ngắn nhất từ 05 năm trở lên và dài nhất là 10 năm. Khi hết thời hạn của hợp đồng, bên chủ sở hữu sẽ thực hiện việc lựa chọn lại đơn vị thoát nước hoặc xem xét kéo dài thời hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành của pháp luật về lựa chọn các đơn vị sản xuất, cung ứng các sản phẩm dịch vụ công ích bảo đảm tính liên tục.

Điều 12. Quy định về lập, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước

1. Chủ sở hữu công trình thoát nước có trách nhiệm lập và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước (như hồ sơ khảo sát, hồ sơ thiết kế, hồ

sơ hoàn công, hồ sơ thủy văn, hồ sơ chất lượng...), đồng thời giao đơn vị thoát nước khai thác, sử dụng và cập nhật cơ sở dữ liệu mới vào hệ thống thoát nước do mình được lựa chọn, tiếp nhận, khai thác, vận hành.

2. Việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước phải tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu và phải được sự đồng ý của chủ sở hữu hệ thống thoát nước.

Điều 13. Giá dịch vụ thoát nước

1. Chi phí dịch vụ thoát nước và giá dịch vụ thoát nước được xác định theo nguyên tắc và phương pháp quy định từ Điều 36 đến Điều 40 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và Thông tư số 13/2018/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Trách nhiệm lập, thẩm định và phê duyệt giá dịch vụ thoát nước:

a) Đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án giá dịch vụ thoát nước; Sở Tài chính tổ chức thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ các nguồn vốn khác: Chủ sở hữu hệ thống thoát nước lập và trình giá dịch vụ thoát nước. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Đối với khu công nghiệp: Giá dịch vụ thoát nước do chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp tự thỏa thuận với các chủ đầu tư trong khu công nghiệp đề xuất về mức giá. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng có ý kiến thỏa thuận làm cơ sở để chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp quyết định mức giá;

d) Đối với cụm công nghiệp: Giá dịch vụ thoát nước được xác định trên nguyên tắc thỏa thuận thông qua hợp đồng ký kết giữa tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ và chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Trường hợp không thỏa thuận được, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để chủ trì, thống nhất giá dịch vụ để các bên áp dụng thực hiện.

3. Điều chỉnh giá dịch vụ thoát nước: Thực hiện theo Điều 42 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

4. Phương thức thu, thanh toán, quản lý và sử dụng nguồn thu từ dịch vụ thoát nước: Thực hiện theo quy định tại Điều 43 và Điều 44 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

Điều 14. Trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động thoát nước, các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

1. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm báo cáo chủ sở hữu hệ thống thoát nước về tình hình hoạt động của hệ thống thoát nước, xử lý nước thải được giao quản lý, vận hành.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng tình hình quản lý hoạt động thoát nước thuộc khu vực, địa bàn được phân cấp quản lý hoặc được giao đại diện chủ sở hữu quản lý.

3. Chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án về tình hình quản lý hoạt động thoát nước thuộc phạm vi dự án do mình làm chủ đầu tư.

4. Sở Xây dựng có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng về tình hình hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh.

5. Việc báo cáo được thực hiện định kỳ 06 tháng và 01 năm theo quy định hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 15. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đơn vị thoát nước

1. Đơn vị thoát nước có các quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

2. Đơn vị thoát nước có các nghĩa vụ và trách nhiệm: Ngoài các nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, đơn vị thoát nước còn phải thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

a) Hằng năm xây dựng kế hoạch, tiến độ triển khai thực hiện công tác quản lý, duy trì, nạo vét thường xuyên hệ thống thoát nước trong phạm vi quản lý; bổ sung, cập nhật hồ sơ, cơ sở dữ liệu, thực hiện duy trì đối với hệ thống thoát nước mới được tiếp nhận; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát công tác đấu nối, sau đấu nối hệ thống thoát nước đảm bảo chất lượng, yêu cầu thoát nước trên địa bàn thuộc phạm vi được giao quản lý, vận hành;

b) Thông báo bằng văn bản tới chính quyền địa phương, hộ thoát nước về kế hoạch triển khai các dự án bổ sung, nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước để các hộ thoát nước biết, chủ động trong công tác đấu nối thoát nước. Thực hiện hướng dẫn, hỗ trợ các hộ thoát nước trong công tác đấu nối đảm bảo kỹ thuật, yêu cầu thoát nước;

c) Giám sát việc xây dựng các công trình thu gom của các hộ thoát nước theo hợp đồng dịch vụ thoát nước đã ký;

d) Định kỳ thực hiện quan trắc chất lượng nước thải trong hệ thống thoát nước phù hợp với pháp luật về bảo vệ môi trường; tổ chức kiểm soát việc xả nước thải của hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước do mình quản lý bảo đảm các quy chuẩn quy định, tự tổ chức lấy mẫu, xét nghiệm khi thấy cần thiết; bảo vệ an toàn hệ thống thoát nước theo quy định; phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm đối với hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thuộc phạm vi được giao quản lý;

đ) Thực hiện lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định và phải được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước trước khi thực hiện xả nước thải.

Điều 16. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hộ thoát nước

1. Hộ thoát nước có các quyền và nghĩa vụ theo Điều 29 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

2. Hộ thoát nước có các trách nhiệm sau:

a) Thực hiện các thủ tục để thỏa thuận đầu nối, đầu tư xây dựng toàn bộ đường ống thoát nước, công trình xử lý sơ bộ (nếu có) đến hộp đầu nối và hoàn trả nguyên trạng các mặt bằng công cộng đã sử dụng để thi công;

b) Thực hiện đúng biên bản thỏa thuận đầu nối thoát nước, chịu sự kiểm tra, giám sát của đơn vị thoát nước và các đơn vị có liên quan đảm bảo chất lượng công tác đầu nối theo quy định;

c) Tích cực tham gia và hưởng ứng các phong trào nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường, xây dựng và bảo vệ các công trình thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 17. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành

1. Sở Xây dựng:

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Công tác quy hoạch, đầu tư phát triển, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải; hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo tình hình quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng, khai thác, sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh;

b) Là cơ quan đầu mối cung cấp thông tin về cao độ nền đô thị cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu để đảm bảo thoát nước;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước;

d) Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn vốn khác không thuộc ngân sách nhà nước;

đ) Thực hiện chức năng, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề theo quy định;

e) Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động xả nước thải từ các hộ thoát nước, khu công nghiệp, cụm công nghiệp xả vào hệ thống thoát nước đô thị;

g) Hướng dẫn việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải;

h) Tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình quản lý, hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bảo vệ môi trường theo phân cấp đối với các công trình thoát nước và xử lý nước thải;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định về hoạt động xả nước thải vào nguồn tiếp nhận theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát chất lượng nước thải của hệ thống thoát nước và các hộ thoát nước trên địa bàn tỉnh xả thải trực tiếp vào nguồn tiếp nhận; tổ chức quản lý các điểm xả, chất lượng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận theo lưu vực theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

d) Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi và cấp lại giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề (trừ việc xả thải vào công trình thủy lợi). Thanh tra, kiểm tra các hoạt động xả nước thải vào nguồn nước và xử lý vi phạm theo quy định.

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh được đầu tư từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Chịu trách nhiệm tổng hợp, cân đối nhu cầu vốn từ ngân sách và các nguồn vốn khác trình cơ quan thẩm quyền phân bổ kinh phí hàng năm cho công tác quy hoạch, bảo trì thường xuyên hệ thống thoát nước và xử lý nước thải;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng cho ý kiến thỏa thuận về giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trong khu công nghiệp để các chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp làm cơ sở quyết định về mức giá theo quy định;

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định kế hoạch phát triển hệ thống thoát nước;

d) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý về tài chính đối với nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các nguồn khác cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn từng thời kỳ và kế hoạch đầu tư hàng năm, cân đối nhu cầu vốn từ ngân sách nhà nước, trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch bố trí vốn cho công tác quy hoạch, xây dựng các dự án thoát nước và xử lý nước thải từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cơ chế ưu đãi, khuyến khích đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, làng nghề theo các hình thức đầu tư khác ngoài ngân sách nhà nước;

d) Là đầu mối đăng ký với các Bộ, ngành Trung ương kêu gọi nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các nguồn khác cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải;

đ) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, làng nghề để kêu gọi đầu tư theo hình thức xã hội hóa.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Quản lý nhà nước về hoạt động xả nước thải vào hệ thống các công trình thủy lợi. Chỉ đạo các đơn vị được giao quản lý hệ thống các công trình thủy lợi liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề phối hợp với đơn vị thoát nước trong việc bảo đảm yêu cầu về cao độ, vị trí xả thải đảm bảo thoát nước, chống úng ngập và bảo vệ công trình thủy lợi;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan giám sát chất lượng nước thải của các tổ chức, cá nhân xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện giấy phép của tổ chức, cá nhân được cấp phép xả nước vào hệ thống công trình thủy lợi và xử lý vi phạm theo quy định;

c) Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động xả nước thải từ hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư tập trung, làng nghề vào hệ thống công trình thủy lợi.

6. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Tổ chức thẩm định hoặc cho ý kiến về công nghệ các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải;

b) Phối hợp, hướng dẫn các đơn vị có liên quan để lựa chọn công nghệ phù hợp với hệ thống thoát nước và xử lý nước thải;

c) Chủ trì, tham mưu, đề xuất các đề tài, dự án nghiên cứu chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật trong công nghệ xử lý nước thải và biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt.

7. Sở Y tế:

Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải của các bệnh viện và cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định hiện hành. Tham gia cùng các cơ quan kiểm tra chất lượng nước xả ra môi trường.

8. Sở Giao thông vận tải:

Chủ trì và phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan trong việc đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo và phát triển hệ thống thoát nước; quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh có liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý theo quy định hiện hành; phối hợp với chủ đầu tư hệ thống thoát nước và các đơn vị liên quan để có phương án thi công hệ thống thoát nước dọc theo đường giao thông do mình quản lý.

9. Sở Công Thương:

Là cơ quan đầu mối phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

10. Sở Thông tin và Truyền thông:

Chủ trì, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh để hướng dẫn quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu của tỉnh; phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về thoát nước, vận động nhân dân và các tổ chức nâng cao nhận thức thực hiện tốt công tác giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ, chống lấn chiếm hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, thực hiện tốt nghĩa vụ thanh toán tiền dịch vụ thoát nước.

11. Công an tỉnh:

Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước theo quy định.

12. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trong các khu công nghiệp trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định và Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do mình làm chủ sở hữu, gồm: Lựa chọn đơn vị thoát nước; cấp phép đấu nối cho hệ thoát nước; chỉ đạo và cho ý kiến thỏa thuận với chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp về giá dịch vụ thoát nước làm cơ sở quyết định về mức giá theo quy định;

c) Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trong các khu công nghiệp;

d) Chịu trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trong các khu công nghiệp; tập hợp lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước; báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải các khu công nghiệp theo định kỳ hằng năm và đột xuất về Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức lập quy hoạch, đầu tư xây dựng phát triển hệ thống thoát nước, xử lý nước thải và là chủ sở hữu công trình thoát nước đô thị được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn theo phân cấp.

2. Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do mình làm chủ sở hữu, gồm: Lựa chọn đơn vị thoát nước, ký kết và thực hiện hợp đồng với đơn vị được lựa chọn; chỉ đạo đơn vị thoát nước tổ chức lập phương án giá dịch vụ thoát nước, trình Sở Tài chính, Sở Xây dựng thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, giám sát nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải.

4. Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trên địa bàn.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về thoát nước, tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải; báo cáo kịp thời Ủy ban nhân dân cấp huyện khi phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động thoát nước trên địa bàn để xử lý theo quy định.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

3. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quy định này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế bằng văn bản khác thì thực hiện theo quy định được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.